

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/12/2023

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu
Ông Đặng Quang Hoạch.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Y – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:* Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 942/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1987.
HKTT: Tổ 11, ấp 3, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1978.
HKTT và trú tại: Tổ 11, ấp 3, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tr tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh H. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Tr hay đánh đập chị (gần đây là ngày 13/11/2023 chị phải nhập viện 03 ngày), chị đã cố gắng hàn gắn nhưng anh Tr không thay đổi, chị đã nộp đơn ly hôn 02 lần, hiện nay vợ chồng tuy chung sống một nhà nhưng không

còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 11/6/2006, Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh ngày 17/6/2012 và cháu Nguyễn Thị Mi H, sinh ngày 04/11/2019. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng như chị Q trình bày, nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc thì anh đồng ý ly hôn với chị Q nếu chị Q đồng ý chia tài sản chung với anh, còn đơn yêu cầu chia tài sản thì anh chưa nộp vì anh để vợ chồng tự giải quyết với nhau, tại phiên tòa anh trình bày bổ sung anh còn thương vợ thương con nên anh đề nghị Tòa án cho anh chị thêm thời gian để hòa giải, hàn gắn.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 11/6/2006, Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh ngày 17/6/2012 và cháu Nguyễn Thị Mi H, sinh ngày 04/11/2019. Trường hợp ly hôn, chị Q yêu cầu được nuôi 03 con chung thì anh đồng ý và anh cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Q là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Q được ly hôn với anh Tr. Về con chung: Giao 03 con chung cho chị Q nuôi dưỡng, anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Q, anh Tr phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Q nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1978, địa chỉ: Tổ 11, ấp 3, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “Ly hôn và

tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị Q nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị Q và anh Tr tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã Thiên Lộc, huyện Cầu Lộc, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24 ngày 10/4/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị Q kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Tr, anh Tr không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh chị đều xác nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hơn nữa thực tế anh chị tuy chung sống một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, chị Q đã nhiều lần nộp đơn ly hôn; Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q yêu cầu ly hôn với anh Tr là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung:

Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 11/6/2006, Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh ngày 17/6/2012 và cháu Nguyễn Thị Mi H, sinh ngày 04/11/2019. Ly hôn, chị Q và anh Tr đồng ý giao các cháu cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng; đồng thời cháu Y, cháu Ng có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu và thỏa thuận này của các bên đương sự.

3.3 - Về tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.4 - Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với anh Nguyễn Văn Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 11/6/2006, cháu Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh ngày 17/6/2012 và cháu Nguyễn Thị Mi H, sinh ngày 04/11/2019 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Tr phải đóng góp cho chị Nguyễn Thị Q tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án 11/12/2023 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Văn Tr được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng hàng tháng, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007522 ngày 10/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn Tr phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh H,
- KH số 24 ngày 10/4/2006.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Xuân Dậu

Đặng Quang Hoạch

Nguyễn Thị Hương